

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST.

Ngày: 28-02-2022.

V/v tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công A

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang T

2. Ông Trần Văn H

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị T N, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28/02/2022, tại Tòa án nhân dân TP C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 497/2020/TLST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2020, về việc “*Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350A/2021/QĐST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Số 423/89, tổ 21, khóm B, phường S, TP C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Bà Lê Hồng D, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Bạch T, sinh năm 1955;

Địa chỉ: số 423/81, Tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 423/103, tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.

3. Bà Phạm Thị Kim V, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 168, đường Hùng Vương Khóm 3, Phường H, TP C, tỉnh Đ.

4. Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 423/97, tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 18, tổ 70, khóm Mỹ Thiện, phường 3, TP C, tỉnh Đ.

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 158, ấp 3, Đốc BK, huyện TM, tỉnh Đ.

3. Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 626, tổ 28, ấp 1, xã MT, TP C, tỉnh Đ

4. Phạm Văn D, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Số 423/95, tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.
5. Phạm Thị Thu T, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Số 423/93, tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.
6. Phạm Văn S, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ 20, ấp 3, xã MN, TP C, tỉnh Đ.
7. Phạm Thành H, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Số 423/91, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.
8. Phạm Thành C, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số 423/89, tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.
9. Ông Thái Thanh T, sinh năm 1962
Địa chỉ: Số 168, đường Hùng Vương Khóm 3, Phường H, TP C, tỉnh Đ.
10. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962
Địa chỉ: Số 423/97, tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.
11. Bà Lê Kim T, sinh năm 1965
12. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1959
13. Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1987
14. Nguyễn Đức L, sinh năm 1996
15. Nguyễn Đức H, sinh năm 1993
Địa chỉ: Số 423/103, tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.
16. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961
Địa chỉ: Tổ 21, khóm B, Phường S, TP C, tỉnh Đ.
17. Ông Dong Thành V, sinh năm 1989
Địa chỉ: Số 16, đường Trần Thị Thu, tổ 9, khóm 1, Phường B, TP C, tỉnh Đ.

Địa chỉ hiện nay: Nhà không số, đường Cách mạng tháng 8, tổ 53, khóm 4, Phường H, TP C, tỉnh Đ.

18. Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ Đông, huyện TM, tỉnh Đ.
Địa chỉ hiện nay: Nhà không số, đường Cách mạng tháng 8, tổ 53, khóm 4, Phường 2, TP C, tỉnh Đ.

Bà Bùi Thị L, Lê Hồng D có mặt;

Bà Phạm Thị Kim V, bà Phạm Thị Bạch T, ông Nguyễn Văn D, Phạm Thị Ngọc N, bà Phạm Thị Ngọc N, anh Phạm Thành H, ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Thu T, ông Nguyễn Văn P, bà Lê Kim T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Ngọc T, ông Phạm Văn D, ông Phạm Văn S, ông Phạm Thành C, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức H, ông Dong Thành C, bà Nguyễn Thị Ngọc S vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện bà Bùi Thị L trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Phạm Văn H (chồng của bà L) đứng tên, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, diện tích

3.754m². Bà L và ông Hai có 08 người con chung: Phạm Thị Ngọc N, Phạm Thành T, Phạm Thị Ngọc T, Phạm Văn D, Phạm Thị Thu T, Phạm Văn S, Phạm Thành H, Phạm Thành C. Đến năm 2003, sau khi đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích giảm còn 3.550,4m², thiếu 203,7 m².

Năm 2011, ông H làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà L và 04 người con là: Phạm Văn D, Phạm Thị Thu T, Phạm Văn S, Phạm Thành H. Năm 2013, ông H chết, bà L và 04 người con tiếp tục sử dụng đất tại thửa số 6859, 10382, 10364, 6852, 6854, 6859, 7106 tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khóm 3, phường 6, TP C, tỉnh Đ. Năm 2004, bà T và bà V mua phần đất giáp ranh với phần đất của bà L, đã lấn sang đất của bà L chiều ngang 2,5m x dài 100m, tổng diện tích 250m². Phần đất ranh phía dưới ông D lấn đất của bà L chiều ngang 4m x dài 100m, tổng diện tích 400m². Sau đó, ông D đã bán một phần diện tích ngang 5m x dài 15m cho bà N. Nay bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Phạm Thị V trả lại đất chiều ngang 5m x dài 30m, tổng diện tích 150m² thuộc thửa số 10364, 10382, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khóm 3, phường 6, TP C, tỉnh Đ.

Buộc bà Phạm Thị Bạch T trả lại đất chiều ngang 5m x dài 70m, tổng diện tích 350m² thuộc thửa số 10364, 10382, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khóm 3, phường 6, TP C, tỉnh Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn D trả lại đất chiều ngang 1,5m x dài 100m, tổng diện tích 150m² thuộc thửa số 6859, 10364, 10382, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khóm 3, phường 6, TP C, tỉnh Đ.

Buộc Phạm Thị Ngọc N trả lại đất chiều ngang 1,5m x dài 15m, tổng diện tích 22,5m² thuộc thửa số 6859, 10364, 10382, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khóm 3, phường 6, TP C, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh t, bà Phạm Thị Ngọc N và Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m², không xác định được vị trí 203,7m² tại vị trí nào, đất tọa lạc khóm 3, Phường S, TP C, Đồng Tháp. Bà L không yêu cầu ông Phước, ông C và bà S trả đất.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị L trình bày:*

Đề nghị chấp nhận yêu cầu bà Bùi Thị L yêu cầu bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc N và Nguyễn Văn B, và ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m², đất tọa lạc khóm 3, Phường S, TP C, Đồng Tháp.

Bà L không yêu cầu ông P, ông C và bà S trả đất.

- *Bà Phạm Thị Bạch T, ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Kim V, bà Phạm Thị Ngọc N, ông Thái Thanh T, ông Nguyễn Văn P:* Xác định không lấn chiếm đất của bà L, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà L.

- *Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời

hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 của bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng : Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu bà Bùi Thị L yêu cầu bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc N và Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m², đất tọa lạc khóm 3, Phường 6, TP C, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Kim V, bà Phạm Thị Bạch T, ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Ngọc N, bà Phạm Thị Ngọc N, anh Phạm Thành H, ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Thu T, ông Nguyễn Văn P, bà Lê Kim T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Ngọc T, ông Phạm Văn D, ông Phạm Văn S, ông Phạm Thành C, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức H, ông Dương Thành C, bà Nguyễn Thị Ngọc S vắng mặt không lý do.

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự vắng mặt.

[2] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Bùi Thị L tranh chấp quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP C, tỉnh Đ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà Bùi Thị L yêu cầu bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc N và Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m², đất tọa lạc khóm 3, Phường S, TP C, Đồng Tháp.

Diện tích đất của bà Bùi Thị L thừa 10364, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH07167, ngày 03/11/2016 do Bùi Thị L đứng tên.

Tại công văn số 1216/CNVPĐKĐĐ-TPCL, ngày 19/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP C thể hiện :

Diện tích đất trong tranh chấp vì các mốc 16, A, 17, 1, B, 9, 8, trở về mốc 16 cấp quyền sử dụng đất thừa 701, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H02506, ngày 12/01/2005, thửa 700, tờ bản đồ số 8 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H02507, ngày

12/01/2005 và thửa 6680, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00433, ngày 08/6/2010 cho bà Phạm Thị Bạch T.

Diện tích đất trong phạm vi các mốc 15, 16, 8, 7, trở về mốc 15 cấp quyền sử dụng đất thửa 3083, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H03309, ngày 29/11/2005 cho bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T;

Diện tích đất trong phạm vi các mốc 6, 5, 13, 14, trở về mốc 6 cấp quyền sử dụng đất thửa 6745, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00517, ngày 12/7/2010 cho ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Mỹ N;

Diện tích đất trong phạm vi các mốc 5, 4, 18, 19, 12, 13, trở về mốc 5 cấp quyền sử dụng đất thửa 7040, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS01753, ngày 20/10/2018 cho là một phần diện tích đất ông Dong Thành C và bà Nguyễn Thị Ngọc S;

Diện tích đất trong phạm vi các mốc 18, 3, 2, 11, 19, trở về mốc 18 cấp quyền sử dụng đất thửa 12250, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05430, ngày 22/3/2021 cho là một phần diện tích đất ông Nguyễn Văn P được”.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ không được ngày 04/9/2020 bà Bùi Thị L xác định như sau “Trụ đá cặp đường đất giữa đất ông Tùng và bà Phạm Thị Kim V và trụ đá giữa Phạm Văn D với Phạm Thị Ngọc N từ khi bà L nhận chuyển nhượng đất đến nay không bị thay đổi, di dời, còn nguyên hiện trạng”.

Theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp thể hiện đất của bà Bùi Thị L không giáp ranh các thửa đất nêu trên;

Các diện tích đất tranh chấp cụ thể bà Phạm Thị Bạch T sử dụng diện tích đất 189,1 m² (trong phạm vi các mốc 16, A, 17, 1, B, 9, 8, trở về mốc 16), bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T sử dụng diện tích đất 76,7 m² (trong phạm vi các mốc 15, 16, 8, 7, trở về mốc 15), bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn B sử dụng diện tích đất 71,4 m² (trong phạm vi các mốc 6, 5, 13, 14, trở về mốc 6) và ông Nguyễn Văn P sử dụng diện tích 193,6 m² (trong phạm vi các mốc 18, 3, 2, 11, 19, về mốc 18) và ông Công và bà Sáng sử dụng diện tích 144,6 m² (trong phạm vi các mốc 5, 4, 18, 19, 12, 13, về mốc 5). Tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu, bà L yêu cầu bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m², bà L không xác định được diện tích đất 203,7 m² tại vị trí nào. Bà L không yêu cầu ông P, ông C và bà S trả đất.

Bà Bùi Thị L xác định, các trụ đá ranh không bị thay đổi, di dời, vẫn nguyên hiện trạng, đất của bà L không giáp ranh đất của các bị đơn, bà L không có sử dụng các diện tích đất tranh chấp. Qua thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị

Ngọc N và ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn D, ông Dong Thành C và bà Nguyễn Thị Ngọc S không có lần chiếm đất của bà L. Bà L yêu cầu bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m² là không có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị L không có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP C có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu bà Bùi Thị L yêu cầu Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn B, và ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m², đất tọa lạc khóm 3, Phường S, TP C, tỉnh Đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị L có đơn đề nghị miễn án phí (trường hợp người cao tuổi), do đó miễn toàn bộ án phí cho bà L.

Về chi phí tố tụng (*xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá*) số tiền 24.596.000 đồng bà Bùi Thị L chịu (đã nộp xong).

Các bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 98, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu bà Bùi Thị L yêu cầu bà Phạm Thị Bạch T, bà Phạm Thị Kim V và ông Thái Thanh T, bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn B, và ông Nguyễn Văn D trả chung diện tích đất 203,7 m², đất tọa lạc khóm 3, Phường S, TP C, tỉnh Đ (*kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân TP C; sơ đồ đo đạc ngày 10/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L có đơn đề nghị miễn án phí (trường hợp người cao tuổi), do đó miễn toàn bộ án phí cho bà L.

Về chi phí tố tụng (*xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá*) số tiền 24.596.000 đồng bà Bùi Thị L chịu (đã nộp xong).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc Nêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TP Cao Lãnh;
- Viện kiểm sát ND TP Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Công Khanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Công Khanh